xuān pàn

宣判

verb · to pronounce judgment

Example Sentences

Fǎ yuàn jiāng zài xià zhōu xuān pàn zhè gè àn jiàn
法 院 将 在下 周 宣 判 这个案件。

The court will pronounce judgment on this case next week.

Fǎ guān xuān pàn bèi gào wú zuì shì fàng
法 官 宣 判被告无罪释 放。

The judge pronounced the defendant not guilty and released him.

Trace each character, then write the word on your own.